

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 7 - 2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 21 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Minh P, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Võ Thị N và Bị đơn ông Phan Minh P trình bày: Vào năm 1993 bà N và ông P được sự mai mối nên gia đình hai bên thống nhất cho bà N và

ông P đi đến hôn nhân, nhưng quá trình chung sống đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới bà N, ông P bắt đầu sống với nhau như vợ chồng bên gia đình ông P được 01 năm, thì ông bà về sống bên gia đình bà N, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc và có sinh được 02 người con chung: Tên Phan Văn V, sinh năm 1994 và Phan Văn Đ, sinh ngày 24/5/2003, đến năm 2007 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, do sống không hợp nhau, từ đó ly thân cho đến nay (ông P về gia đình cha mẹ ruột sống), trong thời gian ly thân không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn; ông P thì không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ.

+ Về con chung có 02 người: Tên Phan Văn V, sinh năm 1994 và Phan Văn Đ, sinh ngày 24/5/2003 hiện đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà N với ông P do mai mối rồi đi đến hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn theo Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống bà N, ông P phát sinh mâu thuẫn rồi hai người bắt đầu ly thân từ năm 2007 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai người không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị N với ông Phan Minh P.

+ Về con chung: Có 02 con chung, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ cư trú tại huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn bà Võ Thị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phan Minh P đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị N, bị đơn ông Phan Minh P và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

- Về hôn nhân: Vào năm 1993 sau khi được mai mối và kết quả tìm hiểu, thì ông P, bà N thống nhất sống với nhau thành vợ chồng tại ấp B, xã T (nay là xã T), huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu ông, bà sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Phan Văn V, sinh năm 1994 và Phan Văn Đ, sinh ngày 24/5/2003. Theo ông P, bà N khai rằng từ khoảng năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống và ly thân kể từ đó. Nay bà N yêu cầu được ly hôn, ông Phụng thì không đồng ý. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Mặc dù ông P không đồng ý ly hôn, nhưng xét về hôn nhân thì ông P, bà N đều có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình: *“Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên...”*, nhưng việc sống chung như vợ chồng của ông P, bà N lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình *(theo lời tự khai của ông P, bà N và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/5/2021)*, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó, chiếu theo quy định của điều luật nêu trên thì không giải quyết như trường hợp hôn nhân hợp pháp, mà phải cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận ông P, bà N là vợ chồng.

- Về con chung: Theo bà Nói, ông P trình bày là có với nhau 02 người con chung tên Phan Văn V, sinh năm 1994 và Phan Văn Đ, sinh ngày 24/5/2003 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy

ý kiến của bà N, ông P là phù hợp với pháp luật, nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung của bà N với ông P.

- Về tài sản và nợ chung: Bà N, ông P khai rằng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặc vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì bà N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012994 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nên bà N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Ông P không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị N với ông Phan Minh P.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Văn V, sinh năm 1994 và Phan Văn Đ, sinh ngày 24/5/2003 đều đã trưởng thành, bà Võ Thị N, ông Phan Minh P khai rằng tự lao động sinh sống được và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặc vấn đề xem xét.

3. Về tài sản, nợ chung: Bà Võ Thị N, ông Phan Minh P khai rằng tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặc vấn đề xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Võ Thị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012994 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy bà Võ Thị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

+ Ông Phan Minh P không phải nộp án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị N, bị đơn ông Phan Minh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÂM QUỐC SÁCH